

**ĐI TÌM NHÓM TÁC GIẢ BIÊN SOẠN
SÁCH *KIM VÂN KIỀU TÂN TRUYỆN - HỘI BẢN*
LƯU TRỮ Ở THƯ VIỆN ANH QUỐC**

TRẦN THỊ BĂNG THANH*

NGUYỄN THỊ TUYẾT**

MAI NGÂN HÀ***

Tóm tắt: *Kim Vân Kiều tân truyện - Hội bản* lưu trữ ở Thư viện nước Anh là một bản độc đáo trong các dòng truyền bản *Truyện Kiều*, danh tác của Nguyễn Du. Đã có một số giả thuyết về tác giả của văn bản, nhưng đều chưa có căn cứ chính xác. Tác giả *Hội bản* bao gồm tác giả biên chép chính văn và soạn lời nguyên chú, cùng với họa sĩ vẽ tranh là một vấn đề khó tìm được lời giải cuối. Từ góc nhìn khác, người viết cũng tìm thêm những khám phá mới. Dựa trên một số dấu tích văn bản học và các tư liệu lịch sử, bài viết là hành trình đi tìm nhóm tác giả biên soạn tác phẩm nghệ thuật kép *Kim Vân Kiều tân truyện - Hội bản*.

Từ khóa: *Truyện Kiều*, Nguyễn Du, Jean Nicolas Arthur. Chéon, Paul Pelliot, Trương Minh Ký

Abstract: *The Kim Van Kieu tan truyện - Picture edition* preserved by the British Library, is a unique version among the various editions of *the Tale of Kieu* - the masterpiece by Nguyen Du. There have been several hypotheses regarding the authorship of this text, but none have been conclusively proven. The authorship of *the Picture edition*, which includes the primary author of the text and the one who composed the original annotations, along with the artist who created the illustrations, remains a challenging puzzle to solve. From another perspective, we also offer new insights. Based on a number of textual traces and historical materials, this article embarks on a journey to identify the group of authors who compiled the dual artistic work *Kim Van Kieu tan truyện - Picture editor*.

Keywords: *Tale of Kieu*, Nguyen Du, Jean Nicolas Arthur. Chéon, Paul Pelliot, Trương Minh Ky

Truyện Kiều là một kiệt tác của văn học Việt Nam, đã được nghiên cứu rất nhiều về nội dung tư tưởng, nghệ thuật và cả văn bản cùng sự truyền bản. Tuy vậy, dường như đề tài chưa cạn và những bí ẩn xung quanh *Truyện Kiều* vẫn còn tiếp tục được phát hiện. Phát hiện gần đây (cũng đã vài ba thập kỷ) là một văn bản *Truyện Kiều*

độc đáo chưa từng có trong các hệ văn bản *Truyện Kiều* xưa nay, hiện được lưu giữ ở Thư viện nước Anh, đó là quyển *Kim Vân Kiều tân truyện - Kim Vân Kiều hội bản*¹,

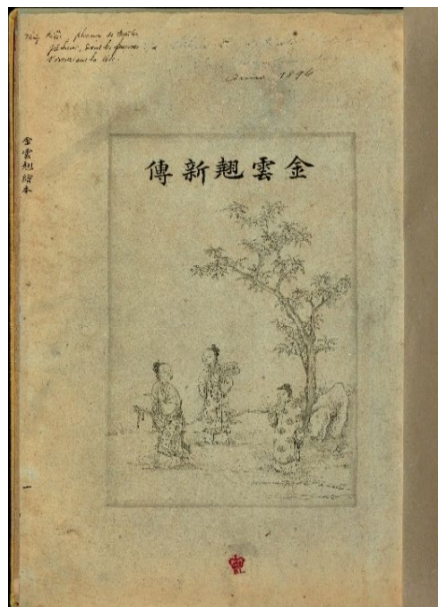
* PGS.TS., Viện Văn học

** TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

*** ThS., Vụ các sự kiện Quốc tế, Bộ Ngoại giao

(dưới đây gọi tắt là *Hội bản*, viết tắt HB) có ký hiệu: OR.14844, thuộc Tủ sách Đông Nam Á của Thư viện Luân Đôn. *Hội bản* là một văn bản được biên soạn khác hẳn các sao bản khác của *Truyện Kiều*. *Hội bản* cũng có một quá trình lưu lạc thật độc đáo với những hạnh ngộ khá kỳ lạ. Theo tài liệu hiện nay, *Hội bản* là văn bản độc bản, liên kết giữa tranh và truyện, truyện chép tay, tranh vẽ tay theo thể loại tranh thủy mặc, có thể coi là một bản *Kiều truyện* và tranh liên hoàn duy nhất được biết cho đến hiện nay. Phần truyện là văn bản cuối thế kỷ XIX, tác giả làm *Hội bản* phân chia *Truyện Kiều* theo các đoạn truyện để vẽ tranh kèm theo, đoạn mở đầu, đoạn kết, mỗi đoạn có 1 tranh, phần nội dung truyện gồm 144 tranh. Mỗi đoạn truyện bao nhiêu trang thì có từng ấy tranh đi kèm để kể chuyện bằng tranh. Trong lịch sử truyền bản của *Truyện Kiều*, cho đến nay (kể cả các bản đã phiên ra Quốc ngữ) đã có một số bản có tranh minh họa, nhưng chưa có bản nào có hình thức tranh và truyện gắn kết thành một loại văn bản nghệ thuật kép thì và họa liên kết kể truyện như *Hội bản*. Những bức tranh này nếu tách riêng cũng thì có thể thành một tập truyện tranh về *Kiều*, dù chưa có thể thay thế việc đọc văn bản *Truyện Kiều*; nhưng đặt trong *Hội bản* thì tranh có thể đem đến những cảm xúc mới mẻ bởi giá trị hội họa của tác phẩm, vì thế cũng gợi ý để hiểu thêm những giá trị mỹ cảm, mà nhiều khi do giới hạn của ngôn từ còn chưa chuyển tải được hết, hoặc còn chưa được tường minh... Với *Hội bản*, người đọc có thể vừa ngâm nga thưởng thức vẻ đẹp của ngôn ngữ truyện Nguyễn Du cũng vừa

được thưởng thức vẻ đẹp của tranh thủy mặc trong nghệ thuật hội họa cổ điển. Về *Kim Vân Kiều tân truyện - Hội bản* chúng tôi đã công bố bài viết “*Kim Vân Kiều tân truyện* lưu trữ tại Anh Quốc - Một bản độc đáo trong hệ thống các văn bản *Nôm Kiều*”, đăng trên *Tạp chí Văn học* số 12 năm 2020² và bài “Dấu ấn của hai nhà Đông Phương học Arthur Chéon và Paul Pelliot trong bản *Kim Vân Kiều tân truyện lưu trữ tại Anh Quốc*” đăng trên *Tạp chí Hán Nôm* số 6 năm 2022³. Từ việc phát hiện dấu ấn của các học giả Pháp mà sự nghiệp khoa học nhiều gắn bó với văn học *Nôm*, ngôn ngữ Việt và có vai trò quan trọng đối với *Hội bản*, chúng tôi tiếp tục đi tìm manh mối của những người làm *Hội bản* mà sau đây chúng tôi xin gọi là tác giả *Hội bản*⁴. Đây là một



câu hỏi được học giới rất quan tâm, nhiều người đã tìm tòi đưa ra giả thuyết, nhưng hầu như chưa được tán thành, chúng tôi góp thêm một số khảo cứu, phát hiện, suy luận ngẫm hầu lý giải về tác giả của văn bản nghệ thuật độc đáo bậc nhất trong lịch sử văn chương Việt Nam.

1. Nghi vấn từ dòng chữ Latinh ở tờ 1a và phát hiện về người sở hữu *Hội bản*

1.1 Nghi vấn dòng chữ mờ nhòe ở tờ 1a của *Hội bản*

Cuối những năm 90 của thế kỷ trước, sự xuất hiện đột ngột của *Kim Vân Kiều tân truyện - Hội bản* trên văn đàn Việt Nam và trên trang mạng của Thư viện Anh với sự giới thiệu của ông Nguyễn Ngọc Trí, Giám tuyển bộ phận Đông Nam Á của Thư viện Anh và hai nhà nghiên cứu Việt Nam: Nguyễn Văn Hoàn và Trần Nghĩa, *Hội bản* cũng trở thành một hiện tượng mới trong giới nghiên cứu văn học cổ Việt Nam. *Hội bản* đúng là một sao bản *Truyện Kiều* chưa từng thấy trong các văn bản *Kiều* từ trước đến nay. Không những văn bản được tổ chức với một kết cấu nghệ thuật kép thi - họa song hành, mà phần trang trí cũng rất đặc biệt, từ chất liệu bìa bọc đến hình ảnh, màu sắc và các họa tiết trên bìa đều gọi đến sự quyền quý, khiến cho người tiếp cận nghĩ tới mối liên quan của sách với hoàng gia. Vấn đề nổi lên là niên đại, tác giả biên soạn sách, nguyên nhân và quá trình lưu lạc của sách và nhất là tác giả những chữ bút sắt, phần nhiều là chữ Pháp, ghi bên các lề một số tờ *Hội bản* cho đến tờ 49b. Trong những dòng chữ ghi chú bằng Pháp văn có mấy tin tức quan trọng, có thể gợi ý cho việc tìm tòi về niên đại và cội nguồn của sách, đó là mấy chữ Ý “anno 1894” trên đầu tờ 1a và dòng chữ ghi riêng ở một tờ giấy cuối sách: “Paul Pelliot, acheté 432 Fr, Pont Sully, Juin 1929, No 518”. Từ hai ghi chú này, Thư viện Anh cũng như nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam và cả Trung Quốc hầu như đã nhất trí với suy luận *Hội bản*

thuộc Thư khố triều đình hoặc liên quan đến hoàng gia, được hoàn thành năm 1894, (Trần Nghĩa nói cụ thể hơn, 1894 là năm hoàn thành phần tranh của *Hội bản*); và Paul Pelliot là tác giả của những ghi chú chữ Pháp bên lề các trang *Hội bản*.

Các nhà nghiên cứu Việt Nam đã tập trung lý giải các vấn đề nguồn gốc, dòng bản *Hội bản* và quá trình lưu lạc của *Hội bản*. Các bài nghiên cứu cũng công phu và đã đưa ra một số đoán định. Ban đầu chúng tôi cũng thấy những lý giải của các nhà nghiên cứu trước là hợp lý, nhưng sau, đọc kỹ văn bản lại thấy còn những nghi vấn, băn khoăn cần tìm hiểu sâu. Tóm lại thành mấy điều sau:

1/ Mác sách do Thư viện ghi, có thể hiểu là sách *Truyện Kiều, Kim Vân Kiều tân truyện*, được sưu tầm hay được hoàn thành năm 1894 ở HANOI. Nhưng cũng cần hiểu rõ chứng cứ và căn cứ?

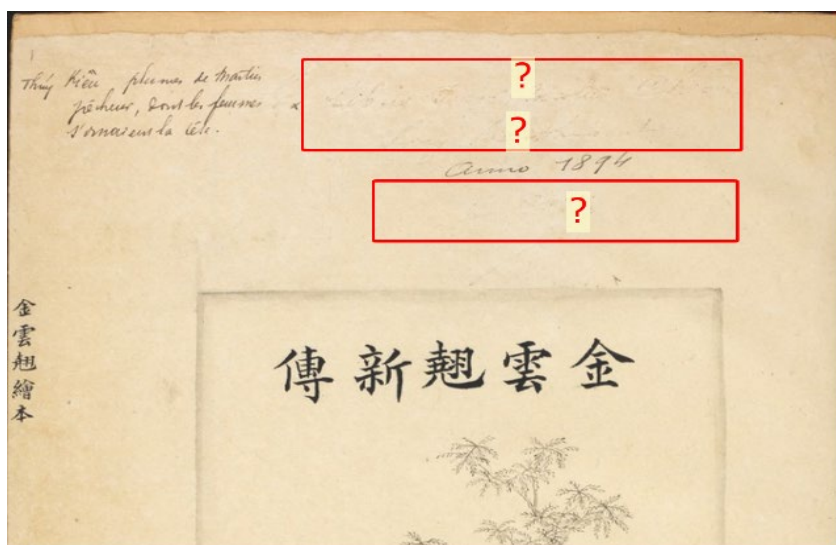
2/ Mấy dòng chữ xung quanh nhóm chữ Ý anno 1894 đã bị tẩy xóa chưa đọc được, không hiểu nội dung thông báo điều gì, nên chưa thể căn cứ vào đó để khẳng định niên đại của *Hội bản*.

3/ Dòng chữ thông báo của Paul Pelliot chỉ cho biết thời gian, địa điểm và giá tiền ông mua sách *Hội bản*, cần căn cứ minh chứng các ghi chú bằng bút sắt bên lề các trang *Hội bản* từ tờ 1a cho đến tờ 49b đúng là của ông. Bởi không thể không tính đến khả năng những ghi chú đó là của một người nào khác tiếp cận với *Hội bản* trước hoặc sau Paul Pelliot.

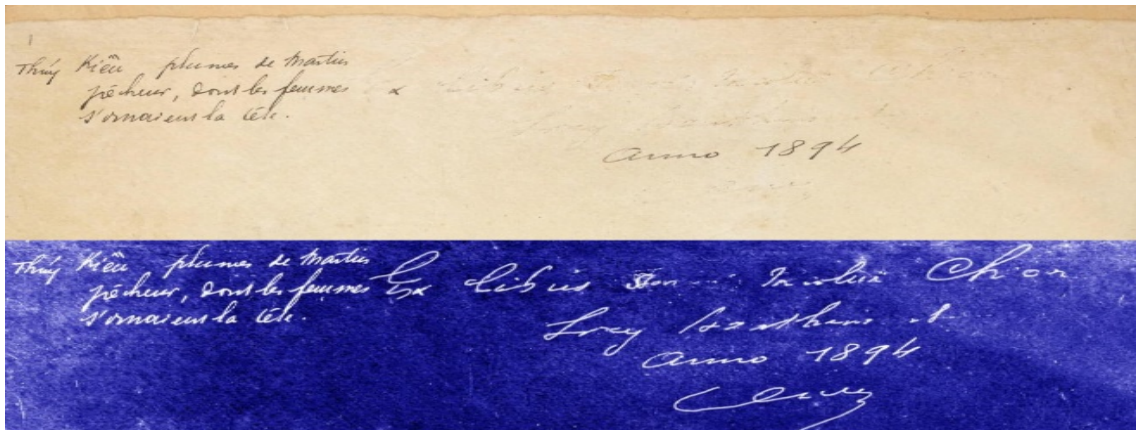
4/ Ý nghĩa của các biểu tượng riêng dùng cho vua và hoàng thất: màu vàng, rồng năm móng?

Chúng tôi loay hoay mất khá nhiều thời gian để tìm lời giải cho mấy điều bất khoản đó. May mắn được Thư viện Anh, đặc biệt là Gallop Annabel nhiệt tình giúp đỡ, thành viên của nhóm chúng tôi là Mai Ngân Hà đã được tiếp cận với hồ sơ sách từ lúc mua về đến quá trình tu bổ, phục hồi. Gallop Annabel cũng cho biết những dòng chữ xung quanh nhóm chữ *anno 1894* đã bị cố ý tẩy xóa đến xơ cả giấy. Điều đó khiến chúng tôi hiểu tầm quan trọng của những thông tin chứa đựng trong các dòng chữ đó và càng thấy cần cố gắng khôi phục. Thư viện Anh cũng đồng hành cùng chúng tôi, Thư viện đã dùng một số kỹ thuật mới về công nghệ đa quang, tia hồng ngoại để đọc, khôi phục những nét chữ đã mờ, nhưng vẫn chưa thành công.

Sau nhiều tháng kiên nhẫn mày mò, điều chỉnh chế độ sáng tối, khôi phục từng nét chữ cái trong các dòng chữ bị tẩy xóa, chúng tôi đã đọc ra được một số chữ. Nhờ Nguyễn Thị Dương, người đã làm luận án Tiến sĩ Hán Nôm ở Pháp hỗ trợ hiệu đính phần chú thích tiếng Pháp và nhận ra dòng chữ đầu tiên ghi tên Chéon, từ đó chúng tôi đã đọc được toàn bộ 4 dòng chữ rất quan trọng đó.



Các dòng chữ bị tẩy xóa chìm mờ ở tờ 1a của nguyên bản



Ảnh phục chế các nét chữ bị mờ tại tờ 1a, *Kim Vân Kiều tân truyện - Hội bản*⁵

Nguyên văn là:

Librairie Jean Nicolas Chéon
Sorcy - Bauthémont
anno 1894
Chéon (chữ ký)

Dịch ra là:

Thư viện của Jean Nicolas Chéon
 Quê vùng: Sorcy - Bauthémont
 Năm 1894.
 Chéon (là chữ ký)

Như vậy, một nhân vật đặc biệt quan trọng, đầu mối của các mối quan hệ của *Hội bản* đã hiện diện, những dòng chữ trên đã cho một đáp án rất rõ ràng: năm 1894 Jean Nicolas Chéon có được/ là chủ sở hữu của *Hội bản*. Vấn đề còn lại là Chéon là ai, vì sao ông có *Hội bản*, ý nghĩa của con số 1894, và hành trình di chuyển của *Hội bản* từ sau khi về với Chéon.

1.2 J. Chéon và những tư liệu liên quan

Sau khi tìm đọc các sách về Chéon và tài liệu của các nhà nghiên cứu, Nguyễn Nam, trong bài viết công phu *Kho báu bị lãng quên*, cáo phó của Victor Goloubew khi J. Chéon qua đời, tài liệu của Cao Việt Anh (Viện Nghiên cứu Hán Nôm) và thông tin của Nguyễn Văn Trần trong bài *Một bông hồng mùa đông*⁶, xin lược thuật tóm tắt mấy nét quan trọng liên quan đến Việt Nam trong tiểu sử của Chéon. Ông vốn có

tên đầy đủ là Jean-Nicolas-Arthur Chéon, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1856 (có tài liệu ghi 1857), tại Sorcy-Bauthémont, vùng Ardennes, là nhà Đông phương học. Ông đến Nam Kỳ vào năm 1882, còn rất trẻ, với tư cách là giáo viên tại Trường Cao đẳng Chasseloup-Laubat, cũng gọi là Trường Bồn xứ, người dân thường gọi là Trường Khải Tường (vì trường đặt trong khuôn viên của chùa Khải Tường). Ông cũng là một công chức ngạch cao cấp của chính phủ Pháp, năm 1889, ông làm Phụ tá cho Antony Landes, đặc trách Phòng Chánh trị của chính phủ Nam Kỳ. Năm sau, 1890, đổi ra Hà Nội làm Đồng lý Văn phòng cho phủ Thống sứ. Sau khi sang Việt Nam làm nhiệm vụ giảng dạy, ông đã rất say mê nghiên cứu nền văn hóa xa lạ này và đã rất am tường ngôn ngữ, phong tục Việt Nam, là người bạn lớp đầu tiên của Viện Viễn

Đông Bắc Cổ ở Hà Nội. Theo nhận định của Đào Duy Anh thì trong những người Pháp nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ Việt Nam bằng chữ Nho - chữ Nôm, người nghiên cứu chữ Nôm một cách nghiêm túc, có hệ thống là J. Chéon, đặc biệt là với quyển “Cours de chữ Nôm”. Đây là một giáo trình dạy chữ Nôm có lẽ là bài bản, có phương pháp khoa học nhất của Việt Nam trong thời cận đại. Từ trước cho đến tận bây giờ chúng ta mới có một bộ giáo trình dạy chữ Nôm mà trong đó có cả phần cấu tạo chữ và đã được giảng dạy ở Việt Nam. Trong những thành tựu nghiên cứu về ngôn ngữ, chữ viết và văn học Nôm Việt Nam, ông xứng đáng đứng trong hàng những người có công đầu. Trong những công trình nghiên cứu quan trọng của ông về ngôn ngữ, văn chương Việt Nam chúng tôi lưu ý đến các tác phẩm sau:

1. *Cours de langue annamite* [Bài giảng tiếng An Nam], (Hanoi, F. -H. Schneider, 1901; tái bản, Hà Nội, F. -H. Schneider, 1904);

2. *Analyse des cent textes du Cours d'annamite transcrits en chữ-nôm* [Phân tích trăm bài văn trong Bài giảng tiếng An Nam được phiên âm chữ Nôm] (Bản thảo được in nguyên cảo; 1890, 1910);

3. *L'Argot annamite* [Tiếng lóng An Nam], đăng trên Tạp chí Viễn Đông Bác Cổ BEFEO, 1905);

4. *Phong Thần Bá - Áp - Khảo tragédie annamite* (traduite) [Dịch vở kịch An Nam Phong Thần Bá-Áp-Khảo], Sài Gòn (1889);

5. *Recueil de cent textes annamites, annotés et traduits et faisant suite au Cours d'annamite* [Tập sách trăm bài tiếng

An Nam, hiệu chú và phiên dịch cùng thực hành tiếp theo Bài giảng tiếng An Nam] (Hanoi, F. -H. Schneider, 1899, 1905).

Đặc biệt cuốn *Recueil de cent textes annamites*... cho chúng tôi nhiều gợi ý. Sách gồm 3 phần, phần một và phần hai sưu tầm 100 truyện có chú thích rõ ràng, gồm truyện dân gian, các truyện ngụ ngôn, những mẫu văn từ kêu oan, mua bán, đơn từ, yết thị, lời tục ngữ, câu phương ngôn, truyện di tích, núi sông, làng xóm, truyện sách vở, truyện đám cưới, đám ma... Phần ba, biên dịch 100 câu chuyện sang tiếng Pháp. Trong sách có 2 đoạn trích giảng *Truyện Kiều*, gồm đoạn 1: *Thúy Kiều đi chơi xuân, viếng mả Đạm Tiên* (từ câu 41 đến câu 80); đoạn 2: *Hoạn Thư sai bắt Thúy Kiều* (từ câu 1637 đến câu 1654). Chúng tôi nghĩ đây là những bài giảng J. Chéon biên soạn trong thời gian còn dạy ở Trường Chasseloup Laubat, 1882-1889, sau khi ra Hà Nội mới in và tái bản.

J. Chéon không nói rõ những đoạn *Kiều* ông trích từ văn bản nào, nhưng thời gian đó, ở Nam Kỳ có thể ông đã có bản Duy Minh Thị, Trương Vĩnh Ký, Abel des Michels và cả một vài bản in ngoài Bắc, thuộc dòng Liễu Văn đường. Chúng tôi đã đối chiếu 2 đoạn trích giảng của J. Chéon, với *Hội bản* và các văn bản *Truyện Kiều* tiêu biểu, nhìn chung thấy dường như cách làm của J. Chéon dù xuất phát từ một bản nhưng cũng tham khảo mấy bản để lựa chọn những ngôn từ mà ông cho là hợp lý trong một số trường hợp có nghi ngờ cần cân nhắc. Nhìn vào các trích đoạn thấy ông chủ yếu dựa vào một văn bản thuộc dòng Liễu Văn đường, những câu từ khác với nhóm Liễu Văn đường, thì đều có liên quan

đến Abel des Michels, Trương Vĩnh Ký và cũng thấy ở *Hội bản*. Lúc này Trương Vĩnh Ký đang dạy ở trường Thông ngôn Sài Gòn, trường Khải Tường và đã có bản *Kiều* phiên âm ra tiếng Việt; Trương Minh Ký cũng là Giáo sư dạy ở trường này. Chúng tôi chưa rõ quan hệ giữa Abel des Michels và Arthur Chéon mật thiết đến như thế nào, nhưng dù sao Abel des Michels đã là người có nhiều thành tựu nghiên cứu và giảng dạy về ngôn ngữ văn học Việt, cho nên Chéon ít nhiều chịu ảnh hưởng của A. Michels cũng hợp lý. Và cũng có thể qua Abel mà Chéon đã sớm có biệt nhãn với *Truyện Kiều*?

1.3 Tác giả của các chú thích Latinh trong sách “*Hội bản*”

Trở lại mối quan hệ của J. Chéon với *Hội bản*. Sau khi tìm được tư liệu về các trước tác của J. Chéon, chúng tôi đã đối chiếu chữ ký trên đầu tờ 1a với bút tích chữ ký của ông lưu lại trên đầu trang sách *Recueil de cent textes annamites*, thì thấy đúng là chữ ký của Chéon⁷. Tiếp tục so sánh các chữ ở phần chú thích Latinh với mấy dòng chữ trang đầu, thì thấy kiểu chữ nghiêng và tự dạng các chữ f, d, l, s, a cũng thấy tương đồng, có phần chắc là của một người.



Bút tích của Chéon trong sách đã xuất bản của ông

Bút tích người chủ thích KVK *hội bản*

Hơn nữa trong 99 chú thích của 2 đoạn trích giảng, không có chú thích trùng lặp với những ghi chú ở *Hội bản*. Có thể những ghi chú ở *Hội bản* là những chữ mà Chéon chưa lý giải được, những điều mới phát hiện hoặc cần tìm hiểu trong khi đọc toàn tác phẩm, còn chú thích ở các bài giảng là do yêu cầu của việc giảng dạy và cũng là những điều ông đã rất am tường? Sự không trùng lặp đó cũng cho thêm một dữ liệu để suy đoán những chú thích ở hai nơi đều của một

người. Trong những ghi chú ở *Hội bản*, ngoài một số ít ghi chú về ngữ nghĩa của từ ngữ như giải thích chữ *thúy kiều* 翠翹 là lông chim bói cá mà con gái thường dùng làm trâm cài tóc, về từ trách trách 嘖嘖 mà ông hiểu lầm là trách mắng, ghi âm đọc của chữ *dã dề* 啞啞..., ông còn đối chiếu *Hội bản* với văn bản *Kim Vân Kiều tân truyện* của Abel des Michels và đã tìm ra chỗ sai dị ở mỗi bản do đọc nhầm hay viết sai để khảo dị hoặc hiệu đính. Ví dụ ông đã phát hiện

bài thơ Sở Khanh “Tỏ chí anh hùng cứu mỹ nhân” để lừa Kiều ở Lầu Ngưng Bích, bản Abel des Michels chỉ có 4 câu, không phải 6 câu như *Hội bản* và các bản Thăng Long. Cũng có chỗ Abel des Michels, hoặc chính *Hội bản* đọc hay viết nhầm chữ Nôm, Chéon đã chỉ ra và đính chính (ví dụ *việc* 役 *Hội bản* nhầm viết thành *một* 沒; *Vừa ngoài mười dặm* 皮外迺蹊, Michels nhầm thành: *Bề ngoài lên dặm* 皮外蓮蹊), hoặc ông đã ghi vào tranh vẽ để xác định cách hiểu câu *Kiều* của Nguyễn Du. Ví như xác định chỗ Kim gặp Kiều tình tự thề nguyện là ở bên nhà Kiều. (Lời ghi ở tranh tờ 12b: *L’entrevue a lieu chez Thuý Kiều*), hoặc *Guom* đàn nửa *gánh* đúng là *guom* và *đàn* (nhạc cụ), chứ không phải *đàn* là cây cung bắn đạn tròn (Tranh tờ 49b vẽ rõ thanh guom và cây đàn nguyệt)...

Những ghi chú tỉ mỉ chuyên sâu, và những phát hiện rất tinh của các ghi chép chứng tỏ người đọc đã rất am tường văn bản, trình độ hiểu biết uyên thâm, thông thạo tiếng Việt, chữ Nôm và có nghiên cứu, yêu thích *Truyện Kiều*. Điều này tương ứng với những công trình của J. Chéon về chữ Nôm, văn học Nôm Việt Nam, *Truyện Kiều*, được dùng trong các giáo trình giảng dạy và nghiên cứu, đã được xuất bản ở Việt Nam. Những suy luận đó, cùng với sự tương đồng về tự dạng cho phép chúng tôi tin rằng J. Chéon mới là tác giả của những ghi chú chữ Pháp, chữ Nôm, chữ Việt hiện đại (Quốc ngữ) ở bên lề các trang tác phẩm *Hội bản*.

Lại nói, trước đây Thư viện Anh Quốc vì chưa đọc được các dòng chữ đã bị tẩy xóa và căn cứ vào dòng thông tin Paul

Pelliot mua sách nên đã tin rằng các chú thích chữ Latinh và các chữ viết bút sắt bên lề các trang sách *Hội bản* là của học giả Paul Pelliot và đến nay học giới vẫn tin như thế. Khi chưa khôi phục được dòng chữ bị xóa thì khả năng này là hợp lý nhất, vì vậy chúng tôi thấy cũng cần phải tìm hiểu xem có khả năng nào Paul Pelliot mới chính là tác giả hoặc tham gia một phần vào những ghi chú ấy chăng? Để kiểm chứng, chúng tôi cũng tìm đến chứng cứ về tự dạng như đã làm với J. Chéon. Chúng tôi đã so sánh dòng chữ ghi Paul mua *Hội bản* “acheté 432 Fr, Pont Sully, Juin 1929, No 518” với bút tích của Paul ở sách *Nhật ký Bắc Kinh* thì thấy tương đồng, trong khi những nét chữ ấy so với nét chữ Pháp, chữ Quốc ngữ ở *Hội bản* thì không tìm thấy sự tương đồng giữa chúng.

Mặt khác Paul Pelliot là nhà khảo cổ học, Đông phương học rất nổi tiếng, có nền tảng Hán học uyên thâm. Ông đến Sài Gòn tháng 11 năm 1899, tháng 1 năm 1890 chuyển ra Hà Nội và ngay thời gian đó ông đảm nhận việc nghiên cứu tại Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp tại Việt Nam. Từ năm 1903, 1904 ông phiên dịch và nghiên cứu nhiều tư liệu về vùng Chân Lạp, Phù Nam, về con đường từ Giao Châu, Quảng Châu đến Ấn Độ, công bố một chuyên khảo dài về lịch sử, địa lý Phù Nam, gợi mở nhiều cho ngành khảo cổ học Việt Nam. Ông chỉ ở Hà Nội đến năm 1904 thì về Pháp. Mặc dù là người có công lớn trong việc sưu tầm và xây dựng kho sách Hán Nôm Việt Nam, và kho sách cổ Trung Hoa cho Viện Viễn Đông Bác Cổ ở Việt Nam nhưng trong công trình nghiên cứu về Đông Dương và Việt Nam

của ông, chưa tìm thấy tác phẩm nghiên cứu nào về chữ Nôm, *Truyện Kiều*. Do vậy chúng tôi thấy không có chứng cứ có thể hỗ trợ cho việc xác định Paul Pelliot là tác giả các dòng chữ Việt, chữ Nôm, chữ Pháp ghi chép bên lề các trang *Hội bản*. Tuy vậy, Paul Pelliot là một ân nhân của *Hội bản*. Chỉ với tầm nhìn và tấm lòng yêu mến của một nhà cổ học, một người am tường văn hóa Việt, Paul mới có thể “tình cờ” phát hiện ra *Hội bản* giữa một giỏ sách cũ của một cửa hàng buôn bán sách cổ đại trà bày giờ ở đường Pont Sully, giữa Paris đô hội. Duyên hội ngộ của Paul Pelliot với *Hội bản* khiến *Hội bản* được bảo quản gìn giữ tốt trong thư viện gia đình của ông và gắn liền với tên của nhà Đông phương học nổi tiếng trong suốt thời gian dài.

2. J. Chéon mua, được tặng hay là tác giả của *Hội bản*?

J. Chéon có *Hội bản* vào năm 1894, ông được tặng, mua, hay là tác giả *Hội bản*, người tổ chức làm *Hội bản*? Cả mấy trường hợp đều là khả năng, trước đây chúng tôi đã thử lý giải từ cả ba khả năng để tìm khả năng hiện thực nhiều nhất.

Thứ nhất, Thời gian này chính quyền đô hộ Pháp ở Việt Nam đã được ổn định, quan hệ Pháp với Nam triều cũng đã cởi mở, triều đình Huế đã chấp nhận và chủ động tham gia nhiều hoạt động văn hóa kinh tế của Pháp ở Việt Nam và liên quan đến xã hội Việt Nam. Hội chợ đầu xảo năm 1894, Pháp tổ chức ở Lyon là một Hội chợ lớn, ngang tầm với một triển lãm quốc tế, có tiếng vang, An Nam có đoàn tham gia và cũng rất coi trọng cuộc đi này. Theo Nguyễn Trương Quý, trong Khu triển lãm

Đông Dương, Cung An Nam được “trang trí bởi những nghệ sĩ từ chính xứ Bắc Kỳ, thạo nghề phục dựng với sự trung thành hiếm có...”⁸; “Trên thực tế, cung điện là một bản sao trung thành của một ngôi chùa Việt đầu thế kỷ 19”⁹. Cũng theo Nguyễn Trương Quý “Cung Đông Dương là cung triển lãm nhiều ma lực nhất của Triển lãm Thuộc địa”¹⁰, đến mức sau Hội chợ này, người ta đã đổi tên khu phố Tête d’Or quanh khu triển lãm thành Khu Bắc Kỳ! Những cuộc Hội chợ đầu xảo càng về sau càng chú trọng đến văn hóa các nước thuộc địa. Trong tình hình đó, có khi nào đoàn Việt Nam tham gia Hội chợ 1894 nghĩ đến một văn hóa phẩm lạ là quyển *Truyện Kiều tranh - thơ* mới mẻ đem đi trưng bày hoặc bán ở Hội chợ và J. Chéon đã mua được chẳng? Con số 1894 J. Chéon ghi có thể chính là để ghi lại ngày mua sách đó?

Thứ hai, J. Chéon làm việc ở Việt Nam cũng đã nhiều năm, ông được coi là người Pháp “theo chủ nghĩa Đông phương ở Việt Nam thuộc địa”, có ý định “sẽ xây dựng sự nghiệp giáo dục lâu dài của mình ở đó”, thời gian ở Nam Bộ, ông hoạt động chủ yếu trong môi trường giáo dục, ông có nhiều bạn bè trong giới trí thức, giáo chức miền Nam, đã từng được họ cộng tác thân thiết. Nếu nhìn vào thành quả nghiên cứu về văn học dân gian, chữ Nôm, Quốc ngữ đã viết thành sách, đã được dùng để giảng dạy và xuất bản ở Việt Nam của Chéon có thể nghĩ rằng ông không “đơn thương độc mã”, ông đã được giới trí thức mới và cả nhiều người dân Nam Bộ nhiệt tình cộng tác, hỗ trợ ngay từ công việc đầu tiên là sưu tầm. Người Việt cộng tác với Chéon đương

nhiên cũng với tinh thần yêu quý, tôn trọng văn hóa dân tộc và có phần cũng bị hấp dẫn bởi những điều mới mẻ từ những thành tựu khoa học nghệ thuật phương Tây mà gần gũi nhất là Pháp... *Hội bản* là một bản *Truyện Kiều* riêng của một công tử, hoàng tôn nào đó, một người có phong cách tài tử, làm *Hội bản* chỉ để thỏa mãn nhu cầu chơi sách, say mê nghệ thuật văn chương, say mê *Truyện Kiều*. Vì vậy quen biết Chéon, nề trọng tinh thần khoa học và hiểu biết văn hóa Việt của một quan chức Pháp, thấy bộ sưu tập của Chéon có thể là nơi gửi gắm quyền sách quý của mình nên tặng ông (?); giống như một vị họ ngoại hoàng gia đã tặng bản *Đoạn trường tân thanh* 斷腸新聲 mới tạo rất ưng ý của mình cho Đào Nguyên Phổ, để rồi người Việt có bản *Kiều Oánh Mậu* 1902, được biên soạn với phương pháp khá hiện đại và chín chu.

Trong cả hai suy luận, chúng tôi thấy trường hợp thứ nhất có nhiều khả năng hiện thực hơn. Bởi vì nếu là sách của một vị hoàng thân quốc thích ở Huế thì sẽ không quan niệm *Truyện Kiều* có nguồn gốc từ *Kim Vân Kiều lục* và chứa đựng những yếu tố Nam bộ. Tuy vậy cả hai trường hợp trên chưa tìm được chứng cứ chắc chắn, do vậy chúng tôi tìm hiểu tiếp khả năng thứ ba Chéon là tác giả *Hội bản*.

Khả năng J. Chéon là tác giả *Hội bản* khó có thể xảy ra, bởi trong bộ danh mục sách phong phú của J. Chéon về Việt Nam không thấy có *Hội bản*, mà trái lại nó đã được ông thông báo rõ ngay trên đầu sách ở tờ 1a với sự trân trọng có cả tên tuổi, quê quán và chữ ký: “Librairie Jean Nicolas Chéon, Sorcy - Bauthémont, anno 1894.

Chéon”. Vậy khả năng thứ 4, Arthur Chéon ông là người đề xuất ý tưởng và tổ chức biên soạn *Hội bản*, kết hợp hoặc thuê một số người Việt thực hiện, do đó ông chỉ kí tên là chủ nhân sở hữu sách ấy? Hãy chưa bàn về khả năng này, vì cũng trong thời gian đó đã xuất hiện một pho *Kiều truyện tranh* được nhắc đến trong sách *Kim Vân Kiều chú thích* 金雲翹傳注釋 của Bùi Khánh Diễm¹¹. Do vậy trước hết phải xem hai pho truyện có mối liên hệ gì với nhau không?

3. So sánh *Hội bản* với pho *Kiều truyện tranh* của Bùi Khánh Diễm trình lên Chéon

J. Chéon là một chức quan cao cấp của chính quyền đô hộ Pháp ở Việt Nam, nhưng ngoài công việc hành chính, ông là người có tinh thần thân thiện với văn hóa Việt. Năm 1890 ông được điều chuyển ra Hà Nội làm Đồng lý Văn phòng cho phủ Thống sứ thì năm 1894 ông có bản *Kim Vân Kiều tân truyện - Hội bản*. Theo Bùi Thiện Căn cũng trong quãng thời gian đó, cả hai cuốn gồm tranh *Kiều* và cuốn *Truyện Kiều chú thích* của thân phụ ông là Bùi Khánh Diễm đã “đệ trình quan Trường lý tòa quan lại, quý hiệu Chéon đại nhân, (để) chuyển đệ sang quý quốc”. Cuốn *Kiều truyện tranh* ấy chắc đã được chuyển tới Viện Hàn lâm và cũng được chú ý, nên tác giả đã được thưởng médaille Hàn lâm. Nhưng sau đấy, sách ở quý quốc như thế nào, số phận pho sách ra sao không ai biết đến nữa. Cũng như cuốn *Lục Vân Tiên cổ tích* 夢雲仙古跡, trải hơn 100 năm ở trong Thư viện Viện Hàn lâm, mãi vừa rồi tình cờ Phan Huy Lê trong lần đi công tác ở

Pháp, đã đến thăm Thư viện và được biết cuốn sách, từ đó nó mới được xuất hiện trở lại trên văn đàn. Pho truyện tranh của Bùi Khánh Diễm cũng phải đến vài chục năm sau, (từ khi đệ trình quý quốc) mới được nhắc đến trong lời *Tựa* pho *Kim Vân Kiều chú thích* do người con trai thứ của ông là Bùi Thiện Căn đưa xuất bản năm 1926. Nhưng diện mạo cụ thể của pho truyện tranh đó và những tin tức về sách còn hay mất, cho đến nay cũng không ai hay biết.

Nguyên văn trong lời *Tự tựa* có đoạn Bùi Thiện Căn viết:

“Trong khoảng năm 1881 - 1903 gia nghiêm tôi Chủ bút Đồng văn nhật báo, có làm một pho Kim Vân Kiều chia ra từng hồi, nửa trang tên phác họa nhân vật phong cảnh cho hợp mấy khúc của chuyện đề ở nửa trang dưới. Công vẽ, công viết rất là công phu, ròng giã hơn hai năm trời mới làm xong toàn bích.

Làm xong pho ấy, gia nghiêm tôi lại làm pho Kim Vân Kiều chú thích, sửa lại những chữ sai lầm trong bản Nôm, một bên chú thích kỹ càng từng điển, một bên giải nghĩa câu chuyện ra lối văn xuôi. Khởi thảo từ đầu năm 1902 đến tháng bảy năm 1903 mới biên tập xong. Hai pho chuyện ấy khi làm xong đều có đệ trình quan Trưởng lý tòa quan lại, quý hiệu Chéon đại nhân chuyển đệ sang quý quốc cả nên tòa Hàn lâm viện có gửi ban cho gia nghiêm tôi một cái médaille Hàn lâm (Officier de l’academie).

Tiếc thay! pho Kiều vẽ không có lưu thảo, là vì cách vẽ công phu, không thể sao lưu được, còn pho Kiều chú thích này thì gia nghiêm tôi làm, có sai tôi chép bản thảo”¹².

Như vậy pho *Kiều* truyện tranh mà Bùi Khánh Diễm trình lên Chéon là một bộ *Truyện Kiều* thuộc loại sách nghệ thuật cùng loại với *Hội bản*. Tuy nhiên như Bùi Thiện Căn cho biết lai cảo của Bùi Khánh Diễm không có lưu thảo mà Chéon ngoài dòng chữ xác định quyền sở hữu *Hội bản* và những dòng ghi chú đọc sách cũng không cho biết gì thêm, muốn so sánh hai văn bản để xác định mối liên hệ giữa hai công trình *Kiều* này về lý mà nói thực sự không có căn cứ nào. Song chúng tôi có thể tin chắc văn bản truyện hai pho *Truyện Kiều* của Bùi Khánh Diễm là cùng một văn bản, vì như Bùi Thiện Căn đã viết “chỉ sửa lại những chữ sai lầm trong bản Nôm”¹³ mà thôi. Từ đó có thể chắc chắn văn bản pho truyện tranh *Kiều* và sách *Kim Vân Kiều chú thích* (viết tắt là KVKCT) là cùng một văn bản, do vậy khảo sát đối chiếu giữa *Hội bản* và pho truyện tranh *Kiều* của Bùi Khánh Diễm chúng tôi phải dựa vào một văn bản trung gian là văn bản KVKCT. Cụ thể như sau:

3.1 So sánh về cách bố cục trang sách

KVKCT: Theo Bùi Thiện Căn, trước KVKCT, Bùi Khánh Diễm làm “pho Kim Vân Kiều chia ra từng hồi, nửa trang tên phác họa nhân vật phong cảnh cho hợp mấy khúc của chuyện đề ở nửa trang dưới”¹⁴. Cách bố cục này, vô tình mang ý nghĩa tranh là chủ thể chính mà truyện chỉ là phần thuyết minh. Và kết cấu xuyên suốt dựa theo các hồi của truyện, nhưng cụ thể phân chia thế nào thì không biết được.

- KVKTT - HB: trái lại bố cục nửa trên trang chép đoạn *Truyện Kiều*, nửa dưới trang là tranh thể hiện nội dung đoạn

truyện. Truyện của Nguyễn Du là vai trò chủ đạo, tranh có vai trò bổ trợ, minh họa, mặc dù vẫn có giá trị thẩm mỹ riêng. Đồng thời *Hội bản* chia theo các tình tiết/phân đoạn (144 phân đoạn) chứ không chia theo chương hồi.

3.2 So sánh về văn bản

Giữa 2 văn bản của 2 sách có mấy đoạn khác biệt rất có chủ ý, không phải do vô thức hay lỗi chính tả; cụ thể như sau:

Đoạn Kim Trọng nhận thư nhà, từ câu 531-536

KVKCT gồm 6 câu:

“Mở xem thủ bút nghiêm đường,
Dạy rằng thúc phụ xa đường mệnh chung.

Hãy còn ký táng Liêu Đông,
Cổ hương khơi diễm nghì trùng sơn khê.

Rày đưa linh thần về quê,
Thế nào con cũng phải về hộ tang”¹⁵.

KVKTT - HB chỉ có 4 câu:

“Dem tin thúc phụ từ đường,
Bơ vơ lữ thần tha hương đề huề.

Liêu Dương cách trở sơn khê,
Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang”¹⁶.

Đoạn Hoạn Thư hành Thúc Sinh, bắt tra vãn Kiều từ câu 1886 đến câu 1897

KVKCT:

“Nét sầu khôn cưỡng giọt tình còn hoen.

Tiểu thư trông mặt quở liên
Sao mày nặng mặt bởi duyên có gì

Bì tiên trao lại một khi

Cây chàng hỏi nó bởi vì làm sao

Sinh thì ruột xót như bào

Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang

Loanh quanh của lột bỏ sàng

Sợ kia thương đẩy đôi đàng chưa xong

Dưới thuyền chân ghé đều trông

Một lời chưa ngỏ đôi dòng đã sa

Lấy lòng già cách hỏi tra”¹⁷.

KVKTT - HB:

“Tiểu thư chạm mặt đề tình hỏi tra.

Lựa lời nàng mới thừa qua

Phải khi mình lại xót xa nỗi mình.

Tiểu thư hỏi lại Thúc Sinh :

Cây chàng tra lấy thực tình cho nao.

Sinh đà rút ruột như bào,

Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang.

Những e lại lụy đến nàng,

Đánh liều mới sẽ liệu đường hỏi tra”¹⁸.

Ngoài ra còn một số câu lẻ khác. Nhìn chung, văn bản Bùi Khánh Diễm thuộc dòng bản Kinh, gần gũi bản Nguyễn Hữu Lập, còn bản *KVKTT - HB* thì theo hệ bản Liễu Văn đường, có tham khảo các bản Nam Duy Minh Thị và Abel Des Michels.

3.3 So sánh về chú thích

Những chú thích cụ thể thì có xuất nhập, vì có thể văn liệu và diễn tích phần nhiều đều cùng một nguồn, nhưng quan điểm về truyện gốc để Nguyễn Du khai thác sáng tác thì hai văn bản khác hẳn nhau. Bản Bùi Khánh Diễm chỉ ra cốt truyện Nguyễn Du sử dụng là *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài nhân, trong khi đó *Hội bản* nhằm là sách *Kim Vân Kiều lục* của một nhà nho Việt Nam. Quan điểm của *Hội bản* theo Trương Minh Ký và Abel Des Michels.

Với những khác biệt căn bản như vậy, chúng tôi thấy *Hội bản* không thể là bản *Kiều* truyện tranh của Bùi Khánh Diễm. Từ dòng chữ đã bị tẩy xóa ở tờ 1a, chúng ta có được một thông tin chắc chắn và quan trọng là năm 1894, Jean Nicolas Arthure Chéon là chủ nhân của sách *KVKTT- HB* và *Hội bản* là một đầu sách được lưu trữ trong Thư viện của cá nhân ông. Cho đến

nay chưa tìm được căn cứ Chéon mua *Hội bản* hoặc được biếu tặng, đồng thời cũng không có ghi chép Chéon là tác giả *Hội bản* và *Hội bản* cũng không phải pho *Kiều* truyện tranh của Bùi Khánh Diễm. Vậy thì *Hội bản* chỉ còn một khả năng là do J. Chéon chính là người tổ chức làm *Hội bản*¹⁹, còn thực hiện phải có một hay một nhóm người Việt? Cơ sở của suy luận này dựa trên sự phức tạp, công phu của yêu cầu về văn bản *Hội bản*. Khác với các sao bản hay bản mẫu để in ấn *Truyện Kiều* quen thuộc, *Hội bản* được sắp xếp lại, kết cấu mới, phân đoạn để vẽ tranh, làm sao để tranh thực hiện được ý mà không xô lệch với đoạn truyện. Đây là công việc đáp ứng yêu cầu thể loại của tác phẩm nghệ thuật kép, như đã trình bày. Nó đưa vào hệ thống truyện bản từ trước đến nay của *Truyện Kiều* một hình thức mới khác biệt, có thể gọi mở hay là bước chuyển để hình thành truyện tranh - thơ, trước khi có truyện tranh đúng với tiêu chí thể loại. Bình thường ý tưởng nghệ thuật, khoa học là của người đứng lên tổ chức công trình khoa học, người làm sách, nếu Chéon tổ chức biên soạn *Hội bản* thì ý tưởng tổ chức công trình là của ông. Tại thời điểm đó, J. Chéon có bản thảo truyện tranh *Truyện Kiều* của Bùi Khánh Diễm cũng là một công trình tranh - thơ như vậy. Phải chăng chính pho *Kim Vân Kiều* nửa trên tranh nửa dưới truyện của Bùi Khánh Diễm là cơ duyên gợi hứng, khởi nguồn ý tưởng tổ chức làm truyện tranh thơ - họa của Chéon? Dường như đó là sự gặp gỡ ngẫu nhiên, Bùi Khánh Diễm không có chủ ý, không đề đạt việc làm sách. Quan điểm của người tổ chức *Hội bản*

cũng khác với Bùi Khánh Diễm, ông cho rằng *Truyện Kiều* mới là đối tượng chính; giá trị mỹ thuật của tranh dù rất cao cũng phải nhằm mục đích làm rõ ý tưởng của Nguyễn Du, không thể ngược lại. Cho nên người tổ chức *Hội bản* đã sắp xếp lại, hoặc giao cho người phụ trách văn bản và chú thích, thực hiện phân tách đoạn thành phần trên trang là truyện, phần dưới trang mới là tranh; còn nguyên mẫu truyện do người tổ chức làm *Hội bản* hoặc người biên soạn phần văn bản tin tưởng vào Abel Des Michels và mỗi thâm giao giữa ông và Trương Minh Ký nên ông tin ở thuyết của Trương Minh Ký - nguyên mẫu *Truyện Kiều* là *Kim Vân Kiều lục*, nên đã chọn một văn bản *Kiều* khác Bùi Khánh Diễm. Mặc dù quan niệm này là nhầm lẫn, nhưng nó lại cho manh mối giúp tìm được nhiều lời giải cho các câu hỏi về *Hội bản*.

4. Nhóm tác giả *Hội bản*: J. Chéon, Trương Minh Ký và những người cộng tác chưa tường tính danh

Thông tin chính thức của Bùi Thiện Căn cho biết Bùi Khánh Diễm đã hoàn thiện một bản thảo về truyện tranh *Kim Vân Kiều* và ông đã trình lên quan Thống sứ Chéon đại nhân, thời gian chắc cũng khoảng sau năm 1890 là khi Chéon đã nhận nhiệm vụ ở Hà Nội. Và năm 1894 Chéon đã có *Hội bản*. Cả hai bộ tranh *Kiều* đều là tranh thơ nghệ thuật. Giai đoạn trước đó, tranh *Kiều* (không kể những bộ tứ, bộ lục tranh *Kiều* dân gian) tranh *Kiều* chỉ là những lát cắt minh họa một chân dung, một phân cảnh nào đó của truyện mang tính chất tài tử, nên ý tưởng làm tranh truyện là một ý tưởng mới. Như trên, chúng tôi đã phân

tích, *Hội bản* không thể là bản Bùi Khánh Diễm, nhưng có thể bản thảo của Bùi Khánh Diễm là cơ duyên khởi nguồn gợi ý để J. Chéon làm *Hội bản* và có thể ông đã kế thừa ý tứ về tranh truyện của Bùi Khánh Diễm. Tuy nhiên, nhiều nhất cũng là Chéon tham khảo ý tứ của Bùi Khánh Diễm, hoặc kế thừa một số tranh mẫu để thuê người theo mẫu đó mà vẽ lại. Ngày ấy chưa có các phương tiện sao chụp như ngày nay nên không thể đảo ngược bố cục của tranh Bùi Khánh Diễm để đưa vào sách *Hội bản*. Rất tiếc ngày nay không có thêm tư liệu nào để biết về bản thảo của Bùi Khánh Diễm, chúng tôi chỉ có thể suy đoán Bùi Khánh Diễm có vai trò gợi mở rất quan trọng đối với sự hình thành tác phẩm *Hội bản*.

4.1 Vai trò của Trương Minh Ký, người biên soạn văn bản *Hội bản* (những căn cứ suy đoán)

4.1.1. Quan niệm nguyên mẫu *Kim Vân Kiều tân truyện* là *Kim Vân Kiều lục*

Kim Vân Kiều lục là một tác phẩm thuộc loại tiểu thuyết được viết bằng chữ Hán thể văn ngôn của một nhà Nho Việt Nam thế kỷ XIX, không để lại tính danh. Cuốn sách in lần đầu năm Bính Tý (1876), thời Tự Đức, Cẩm Văn đường tàng bản, phố Cổ Vũ, Hà Nội²⁰, lần thứ 2, có thể in vào khoảng 1880 - 1883 ở Hà Nội (năm 1883, Trương Minh Ký đã mua được sách và gửi cho Abel des Michels); các văn bản hiện còn ở Pháp và Viện Nghiên cứu Hán Nôm đều mang tên *Kim Vân Kiều lục*. Viện Nghiên cứu Hán Nôm chỉ có 1 bản in năm 1888. Phạm Tú Châu từng nhận xét về văn chương của tác phẩm: “Tiểu thuyết được viết với lối văn tự sự mạch lạc, khúc chiết,

sáng sủa, lại uyển chuyển do được xen vào những cụm từ biền ngẫu lời đẹp, ý nhã, chuyển tải trọn vẹn ý tình truyện thơ”²¹ cũng “được nhiều người chép tay”. Nhưng đánh giá tổng quát, bà cũng thấy tác phẩm giản lược, không thể “chuyển tải được cân xứng”, “dường như ông dần dần cảm thấy đuối sức nên gắng thuật kể cho có có để lấp thơ, khúc của mình, “không thể sánh với *Truyện Kiều*”²². Quả thật trên văn đàn chưa tìm thấy trong văn bản hay tài liệu nghiên cứu *Truyện Kiều* nào nói *Kim Vân Kiều lục* có thể là truyện gốc, để Nguyễn Du lấy cốt truyện sáng tác *Truyện Kiều*. Điều ấy gần như đương nhiên, bởi đa phần các nhà nghiên cứu đồng ý với thuyết *Đoạn trường tân thanh* (*Truyện Kiều*), được trứ tác muộn nhất vào đầu thời Gia Long (1802 -1820), mà *Kim Vân Kiều lục* mới được viết ra khoảng thời Tự Đức (1847-1883). Trương Minh Ký là người đầu tiên nêu ra ý kiến ấy, Abel des Michels công bố trang trọng trong bài *Tựa* sách *Kim Vân Kiều tân truyện* dịch sang tiếng Pháp của ông. Như vậy, năm 1884 biết chắc có 2 người: Trương Minh Ký khởi xướng và Abel des Michels hồ hởi chấp nhận, là người đầu tiên đưa ra dư luận; ông viết trong lời *Tựa* bản *Kiều* lúc sắp gửi cho nhà in và được đọc trước Viện Hàn lâm Văn khắc và Mỹ văn²³: “... tôi đã nói là không thể tìm thấy tiểu thuyết nào của Trung Hoa mà người ta có thể gắn với tập thơ của Nguyễn Du, thì chính vào ngày hôm sau, tôi đã nhận được từ Trương Minh Ký, người đã tìm thấy ở Sài Gòn và đã gửi ngay cho tôi, cuốn tiểu thuyết lâu nay mà tôi đã hoài công tìm kiếm. Nó có tên là *Kim Vân Kiều truyện*; có nghĩa là, nói một cách

nhẹ nhàng, cũng là tên của chính tập thơ”²⁴. J. Chéon đồng tình với Trương Minh Ký, trong khi đọc *Hội bản*, ông cũng có ý nhấn chi tiết nơi Kim Trọng “mở khóa Động Đào” gặp Thúy Kiều trong lần tái ngộ là ở bên nhà Kiều, lời ghi dưới bức tranh tờ 12b: “L’entrevue a lieu chez Thúy Kiều” (Cuộc gặp gỡ ở nhà Thúy Kiều). Tình tiết cuộc gặp gỡ Kim - Kiều trong lần tái ngộ có thể xem là một tình tiết tiêu biểu để nhận diện sự khác biệt của các quan niệm về “nguyên mẫu” *Truyện Kiều*. *Kim Vân Kiều lục* kể buổi đầu gặp lại, Thúy Kiều đón Kim Trọng về phòng đàn nhà nàng; chiều muộn Kim Trọng giã từ ra về; đêm đó Thúy Kiều mới sang nhà Kim Trọng. *Truyện Kim Vân Kiều* của Thanh Tâm tài nhân và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, cả hai buổi tình tự thề bồi của Kim - Kiều đều ở bên nhà Kim Trọng.

4.1.2. Triển khai quan niệm “nguyên mẫu *Kim Vân Kiều lục*” qua văn bản *Hội bản*

Sau công bố của Abel des Michels cũng chưa thấy thông tin nào khác. Như vậy tạm coi đến *Hội bản* mới chỉ có 3 người: Trương Minh Ký, Abel des Michels và J. Chéon chủ trương *Kim Vân Kiều lục* là tác phẩm “nguyên mẫu” cho *Kim Vân Kiều tân truyện* của Nguyễn Du. Nhưng, nếu năm 1884, Trương Minh Ký mới chỉ thông tin về gợi ý của mình, và được Abel des Michels chấp nhận thì trong *Hội bản* người làm đã tiến thêm một bước: đưa thêm dẫn chứng (giác mộng của Vương bà khởi đầu *Kim Vân Kiều lục*) để khởi dẫn lý thuyết tư tưởng xuyên suốt *Truyện Kiều* và khi kết thúc truyện cũng có tổng kết khép lại; tác giả nhấn mạnh thuyết “thân là gốc

mọi chuyện”, thiên về coi *Truyện Kiều* là một câu chuyện đạo đức - tài hạnh - thiện tâm - nghiệp quả, hơn là vấn đề thế sự, thân phận con người và xã hội. Tác giả *Hội bản* chưa đạt đến sự đồng cảm tri âm với Nguyễn Du như Phạm Quý Thích, Mộng Liên đường Chủ nhân. Bên cạnh đó ông còn đối chiếu nội dung truyện để kiểm chứng thơ *Kiều* ở một số câu, đoạn. Các chỗ so sánh, không ngẫu hứng mà có chủ ý, bài bản nghiêm cẩn. May mà ông không can thiệp vào nguyên tác như Kiều Oánh Mậu đã căn cứ vào nội dung *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân để sửa thơ *Truyện Kiều*! Ngoài ra xem các nguyên chú của *Hội bản* cũng có thể thấy cách chú thích khác với truyền thống. Nếu đọc các lời bình điểm, chú giải ở các bản hệ Thăng Long, hệ bản Huế cuối thế kỷ XIX cũng thấy nhiều người vẫn chú ý đến khía cạnh đạo đức, luân lý của tác phẩm nhưng không ai làm ngơ với thuyết tài mệnh tương đố, với những số phận trầm luân vì “thiên địa đồ tài, hồng nhan bạc phận” và cách lý giải khác *Hội bản*...

Từ những căn cứ nêu trên, chúng tôi cho rằng Trương Minh Ký, người đã chính thức đề xuất *Kim Vân Kiều lục* là nguyên mẫu *Truyện Kiều*, lúc này, dường như đã có dịp tường giải rõ quan điểm của mình hơn trong *Hội bản*.

4.1.3. Những hứng thú văn chương của người biên soạn và chú thích chữ Hán

Nguyên chú ở *Hội bản* không giống như ở nhiều văn bản *Truyện Kiều* có chú thích, bởi phần lớn các nhà Nho xưa chú thích văn bản thường vẫn chú trọng đến mục đích giúp đọc hiểu và bình giá tác phẩm. Nhưng *Hội bản* có nét khác biệt.

Người chú thích chủ yếu theo hướng liên tưởng nghệ thuật và hứng thú cá nhân “chơi sách”. Ví dụ chỉ xung quanh chuyện ghen tuông của đàn bà đã có khá nhiều liên hệ. Tú Bà ghen, dẫn *Chiến quốc sách* 戰國策; Kiều lo phận vợ lẽ nàng hầu còn khổ hơn làm gái lầu xanh, dẫn *Đố nữ truyện* 妒女傳; Hoạn Thư ghen, dẫn truyện *Lưu phu nhân* Tạ An; anh chồng sợ vợ đến mất mật, dẫn gốc điển *Sư tử Hà Đông*, chồng sợ vợ chữa “bệnh ghen” của vợ theo truyền thuyết, cho ăn canh thịt chim hoàng anh; cả nhà ghen nổi tiếng, dẫn chuyện sáu chị em gái họ Ngô; Trịnh Tú ghen ác.... Các tài liệu sử dụng rất phong phú, Kinh, Sử, Tử, Truyện và tạp thuyết, hý khúc, giai thoại, ngôn ngữ dân gian ... Có thể thấy trong các đầu sách đã công bố của Trương Minh Ký khá rõ xu hướng học thuật và sáng tác khá gần gũi với những tri thức ông dẫn ra trong phần ghi chú. Xem ra ông rất chú ý đến thể loại hý khúc. Về đề tài, xu hướng và sở trường, ông thiên về nghệ thuật diễn xướng, đã có các vở: *Tuồng Joseph*, 1888, *Tuồng Phong Thần Bá Ấp Khảo* (1896), phiên âm bản *Tuồng Kim Vân Kiều truyện* (in năm 1896). Tương ứng, trong nguyên chú ông rất hay dẫn hý khúc, *Tây Sương ký* 西廂記, dẫn đến khoảng ba chục lần, trong đó có hai, ba lần dẫn tác phẩm tiền thân là *Hội chôn ký*. Về nghiên cứu, Trương Minh Ký cũng đã chú ý đến *Truyện Kiều* từ lâu, ông chịu nhiều ảnh hưởng của Trương Vĩnh Ký về học thuật và quan hệ thân thiết với Abel des Michels.

Với những căn cứ như vậy, chúng tôi thấy đương thời chưa có ai thích hợp với vai trò tác giả làm phần truyện của *Hội bản* hơn Trương Minh Ký.

Tuy nhiên vẫn có một câu hỏi nữa, vì sao Trương Minh Ký không ghi tên dưới *Kim Vân Kiều tân truyện - Hội bản*, trong khi ông đã là một tác gia tên tuổi, quan niệm hiện đại, các tác phẩm công bố trên *Gia Định báo* hoặc in sách đều có ghi tên, thời gian sáng tác, đăng hoàng?

Phải chăng Trương Minh Ký vốn không có ý định làm thêm một văn bản *Truyện Kiều* trong khi những người thân cận với ông, Abel des Michels đã tự biên soạn riêng một bản Nôm và dịch chú sang tiếng Pháp, Trương Vĩnh Ký, đã có bản phiên âm ra Quốc ngữ? Ông thực hiện văn bản này cũng chỉ vì giao tình với J. Chéon? Cũng có phần nào vì sự yêu thích *Truyện Kiều*, vì thú chơi sách của những tấm lòng hiếu cổ và bác nhả mà thời nào cũng có.

4.2. Vai trò của J. Arthur Chéon, người tổ chức làm *Hội bản*

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX các hoạt động về văn hóa theo phương thức mới cũng đã phát triển ở Hà Nội. Một số tờ báo theo hình thức báo chí phương Tây đã hoạt động đều đặn có bài bản, việc in ấn và phổ biến những tác phẩm văn học cổ cũng đã có điều kiện thuận tiện. Bùi Khánh Diễm vừa là một đường quan - Án sát, Thị lang Thượng thẩm viện, vừa là nhà hoạt động văn hóa - Chủ bút tờ *Đồng văn Nhật báo*, một tờ báo lớn ở Bắc Kỳ do chính phủ bảo trợ thời bấy giờ, đã có ý tưởng và công phu làm một pho *Truyện Kiều* có tranh, một bản *Truyện Kiều* độc đáo khác hẳn các sao bản truyền thống. Bản thảo đến tay J. Chéon, một người cũng đã am tường *Truyện Kiều*, đã từng nghiên cứu và giảng dạy về *Kiều*, có lẽ nhân được gợi ý từ công trình của Bùi Khánh Diễm ông mới tiếp tục thực hiện một

công trình có cùng một dạng thức, mặc dù nội dung, ý tưởng học thuật có nhiều khác biệt. Dù sao đến lúc này chúng ta cũng chỉ còn *Kim Vân Kiều tân truyện - Hội bản*! Đó là công lao của J. Chéon.

Xét ra Chéon đã gắn bó với *Truyện Kiều* từ lâu, ông có thể là một trong ba người đồng quan điểm về cốt truyện gốc *Truyện Kiều* của Trương Minh Ký từ năm 1884, khi hai người còn là bạn đồng nghiệp cùng trường Cao đẳng Chasseloup Laubat, rồi Ty Phiên dịch Nam Kỳ, sau đó Trương Minh Ký lại vào làng Tây... Quan điểm học thuật khá gần gũi nhau giữa hai người, có thể thấy ở những đề tài khoa học, những sách vở đã xuất bản, như Trương Minh Ký có *Tuồng Phong thần bá áp khảo*, J. Chéon dịch kịch bản *Phong thần bá áp khảo*; hai ông đều có những công trình có tên 100 bài giảng..., hai ông từng có sách viết chung, như: Cuốn *Leçon de langue annamite. Cours autographié au collège des Interprètes* (et MM. Chéon) (1886?) và một số cuốn nữa. Từ sự gần gũi về đề tài nghiên cứu, cùng làm sách và bạn bè lâu năm như vậy, J. Chéon đề xuất và Trương Minh Ký hưởng ứng cũng là một việc dễ hiểu. Kết quả tạm kết luận: *Hội bản* là công trình của một nhóm tác giả. Gợi ý tưởng làm một bộ *Truyện Kiều* thi họa có thể là bản thảo của Bùi Khánh Diễm, khởi xướng triển khai ý tưởng học thuật, chủ trì thực hiện là J. Chéon, người biên soạn văn bản truyện là Trương Minh Ký. Họa sĩ và người viết chữ có phần chắc là người Bắc Kỳ, vẫn chưa tìm được manh mối về tiểu sử. Duy điều là tại sao cả nhóm lại không để lại tính danh mà chỉ riêng J. Chéon xuất hiện với tư cách người “có sách”? Chúng tôi cũng chưa tìm được giải đáp chắc chắn,

nhưng có thể là tính chất bản quyền của các thành viên không tìm được trọn vẹn, hoặc còn vướng với quan hệ với Viện Hàn lâm nên sách cũng chưa có dịp đưa ra công khai, J. Chéon chỉ bảo quản riêng trong bộ sưu tập (Thư viện) của mình; rồi Chéon về Pháp và mang về theo. Vì thế sau này đọc lại, Chéon mới ghi chú những ý kiến phát hiện sai sót hoặc đồng tình của mình vào ngay *Hội bản* và *Hội bản* không còn cơ hội xuất hiện trở lại văn đàn Việt Nam, cuộc tha hương lưu lạc càng ngày càng xa, khi J. Chéon không còn nữa!

Tìm ra sự hợp tác này chúng tôi thấy có thể giải thích được tính chất tích hợp ở *Hội bản*: Văn bản truyện lưu giữ nhiều yếu tố của dòng bản Liễu Văn đường cả ngôn từ và ý tứ, nhưng cũng có yếu tố Duy Minh Thi, có những từ phát âm giọng Nam, nhiều từ cập nhật với ngôn ngữ hiện đại gần gũi bản Trương Vĩnh Ký. *Hội bản*, về mặt văn bản truyện thể hiện khá rõ quan điểm học thuật gần gũi với Albel des Michels; thuyết bản nguồn *Kim Vân Kiều lục* có thể coi là thuyết của Nhóm. Nó có thể được hai ông thống nhất ngay từ năm 1884, khi Trương Minh Ký gửi sách và cũng là trao đổi ý kiến về sách nguồn *Kim Vân Kiều tân truyện* với A. Michels. Với uy tín học thuật và bề dày nghiên cứu văn học Việt Nam và *Truyện Kiều*, sự chấp nhận của A. Michels cũng rất có trọng lượng, có một ý nghĩa quyết định. Có thể nghĩ rằng cũng nhờ một duyên may - kỳ ngộ, giữa một nhóm trí thức yêu thích *Truyện Kiều* Việt Nam và Pháp mà trong một thời điểm ngẫu nhiên đặc biệt, chúng ta đã có được một bản *Truyện Kiều* nghệ thuật độc đáo và giá trị, mà cho đến bây giờ vẫn là vị trí số một trong hệ sao bản *Truyện*

Kiều. Kim Vân Kiều tân truyện Hội bản không chỉ đóng góp cho việc thưởng lãm kiệt tác của Nguyễn Du mà còn có giá trị rất nhiều mặt trong nghiên cứu học thuật. Đó cũng là điều may mắn cho văn hóa văn học nước nhà./.

T.T.B.T - N.T.T - M.N.H

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Tên gọi *Kim Vân Kiều tân truyện* được tác giả ghi ngay ở chính giữa tờ 1a của sách. Tên gọi *Kim Vân Kiều hội bản* được tác giả ghi ở gáy sách. Chúng tôi gọi chung là *Kim Vân Kiều tân truyện - Hội bản*.

2. Trần Thị Băng Thanh - Nguyễn Thị Tuyết (2020): “*Kim Vân Kiều tân truyện* lưu trữ tại Anh Quốc - Một bản độc đáo trong hệ thống các văn bản Nôm Kiều”, *Tạp chí Văn học* số 12.

3. Nguyễn Thị Tuyết - Mai Ngân Hà (2022), “Dấu ấn của hai nhà Đông phương học Arthur Chéon và Paul Pelliot trong bản *Kim Vân Kiều tân truyện* lưu giữ tại Thư viện Anh quốc”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 6.

4. Chúng tôi dùng thuật ngữ tác giả *Hội bản* để chỉ những người làm sách *Hội bản* để phân biệt với tác giả *Truyện Kiều* là Nguyễn Du.

5. Ảnh phục chế này được Dương Trung Dũng gửi cho nhóm nghiên cứu trong buổi tọa đàm “*Truyện Kiều* - Những diễn giải mới về văn bản và giá trị” tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ngày 14/10/2023. Hình ảnh nét chữ phục chế cũng tương đồng với những công bố trước đó của chúng tôi trên *Tạp chí Hán Nôm*, số 6, năm 2022. Xin trân trọng cảm ơn!

6. Nguyễn Văn Trần (2022), “Một bông hồng mùa đông”, *Tạp san Việt học Journal*. Đăng trên trang web: <https://viethocjournal.com/2021/05/mot-bong-hong-mua-dong/> truy cập ngày 22/6/2024.

7. Ảnh chụp chân dung Chéon, chúng tôi xin phép dẫn lại từ bài viết của Nguyễn Nam, xin xem Nguyễn Nam (2018): A treasure long forgotten: Arthur Chéon’s cours de chữ nôm rediscovered at Keiō university and how to study it.

8. Nguyễn Trương Quý: “Nước ta tham gia triển lãm từ khi nào? (Bài 1): Khi Đông Dương xuất dương” <http://soi.today/?p=213356#:~:text=Ngu%E1%BB%93n%20%E1%BA%A3nh%3A%20Lu%E1%BA%ADn%20v%C4%83n%20Th%E1%BA%A1c,c%E1%BB%A7a%20Tri%E1%BB%83n%20l%C3%A3m%20Thu%E1%BB%99c%20%C4%91%E1%BB%8Ba.> (truy cập ngày 1/11/2024)

9. Nguyễn Trương Quý: “Nước ta tham gia triển lãm từ khi nào? (Bài 1): Khi Đông Dương xuất dương” <http://soi.today/?p=213356#:~:text=Ngu%E1%BB%93n%20%E1%BA%A3nh%3A%20Lu%E1%BA%ADn%20v%C4%83n%20Th%E1%BA%A1c,c%E1%BB%A7a%20Tri%E1%BB%83n%20l%C3%A3m%20Thu%E1%BB%99c%20%C4%91%E1%BB%8Ba.> (truy cập ngày 1/11/2024)

10. Nguyễn Trương Quý: “Nước ta tham gia triển lãm từ khi nào? (Bài 1): Khi Đông Dương xuất dương” <http://soi.today/?p=213356#:~:text=Ngu%E1%BB%93n%20%E1%BA%A3nh%3A%20Lu%E1%BA%ADn%20v%C4%83n%20Th%E1%BA%A1c,c%E1%BB%A7a%20Tri%E1%BB%83n%20l%C3%A3m%20Thu%E1%BB%99c%20%C4%91%E1%BB%8Ba.> (truy cập ngày 1/11/2024)

11. Bùi Khánh Diễm (1960), *Kim Vân Kiều chú thích* (in lần thứ 3), NXB. Sống mới, Sài Gòn, tr.7

12. Bùi Khánh Diễm (1960), *Kim Vân Kiều chú thích* (in lần thứ 3), sđd, tr.7

13. Bùi Khánh Diễm (1960), *Kim Vân Kiều chú thích* (in lần thứ 3), sđd, tr.7

14. Bùi Khánh Diễm (1960), *Kim Vân Kiều chú thích* (in lần thứ 3), sđd, tr.7
15. Bùi Khánh Diễm (1960), *Kim Vân Kiều chú thích* (in lần thứ 3), sđd, tr.74
16. *Kim Vân Kiều tân truyện - Hội bản*, Or.14844, Thư viện Anh quốc, tờ 16a.
17. Bùi Khánh Diễm (1960), *Kim Vân Kiều chú thích* (in lần thứ 3), sđd, tr.182-183
18. *Kim Vân Kiều tân truyện - Hội bản*, Or.14844, sđd, tờ 43a-44b.
19. Ở đây chúng tôi nhấn mạnh tác giả của *Truyện Kiều* là Nguyễn Du, còn tác giả *Hội bản* là chỉ nhóm người biên soạn *Hội bản*, như Kiều Oánh Mậu, Nguyễn Hữu Lập, Abel des Michels đã làm các bản *Kiều* khác nhau...
20. Thông tin này từ trang bìa sách *Kim Vân Kiều lục* (bản in 1876) do Nguyễn Tuấn Anh (ĐHSP Hà Nội) và Nguyễn Thị Sông Hương (Trường Nghiên cứu cao cấp về KHXH [EHESS], Paris, Pháp) gửi cho. Xin trân trọng cảm ơn!
21. Phạm Tú Châu (2015), *Dịch và nghiên cứu Kim Vân Kiều lục*, NXB. Khoa học xã hội, tr.128.
22. Phạm Tú Châu (2015), *Dịch và nghiên cứu Kim Vân Kiều lục*, sđd, tr.128.
23. Académie des Inscription et Belles - Lettres - tức Viện Hàn lâm Văn học Pháp sau này, Nguyễn Thị Thanh Xuân chú thích.
24. Lời giới thiệu của Abel Des Michels trong *Kim Vân Kiều tân truyện*, bản dịch và giới thiệu của Nguyễn Thị Thanh Xuân đăng trên *Nghiên cứu trao đổi* ngày 12.6.2021. Câu chú thích dẫn trong Lời giới thiệu.
25. Hồ sơ tu bổ, phục chế *Kim Vân Kiều tân truyện* năm 2014, tài liệu lưu trữ, Thư viện Anh gửi cho nhóm tác giả nghiên cứu KVKTT - HB.
26. Nguyễn Tài Cẩn (2004), *Tư liệu Truyện Kiều từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu*, NXB. Văn học - Trung tâm nghiên cứu Quốc học.
27. J. Chéon, *Recueil de cent textes annamites, annotés et traduits et faisant suite au Cours d'annamite* (Hanoi, F. -H. Schneider, 1899,1905).
28. Abel des Michels (1984), *Les poèmes de l'Annam, Kim Vân Kiều tân truyện*, Tập 2 phần 2; Paris.
29. Trần Hải Yến (2004), mục Trương Minh Ký, *Từ điển văn học*, Bộ mới, NXB. Thế giới, Hà Nội.